

Định Mệnh

Trần Tiền Ngạc



Tháng 4 năm 1975, trời Huế không mấy chi thay đổi, vẫn ngọn nắng hanh vàng trải khắp các ngọn đồi chung quanh núi Thiên Thai. Bên kia con lạch nước trong, tiếng chuông chùa Viên Thông còn ngân vang trong không gian. Trời trong xanh, mây trắng bàng bạc, những ngọn thông vươn mình lên trời cao, tĩnh mịch, vững chãi. Ở đây không còn một bóng người, lúc này, một sự im lặng tận cùng và cô đọng đến nỗi có cảm tưởng những lời thầm thì, khẩn nguyện sẽ vang lên một cảnh giới khác để ở đó Mẹ nghe rất rõ.

Tôi đứng cúi đầu, phía trước mộ bia chỉ có một nải chuối vàng và một chùm hoa vạn thọ. Hôm nay, tâm tư đã đạt được ước nguyện là thắp một nén hương lên mộ Mẹ để kỷ niệm một năm sau ngày để tang. Thành phố Huế đã chọn rộn từ lâu, cho đến những ngày đầu tháng Tư này thì không còn mấy ai ở lại. Các công sở hầu như đều đóng cửa, bệnh viện cũng chỉ duy trì những công việc cấp thiết mà thôi. Dân chúng tản mác khắp nơi, phần lớn di tản về phía Nam, tập trung nhiều ở Đà Nẵng. Gia đình đã bị những hồi thúc từ bạn bè và bà con thân thuộc, với tình hình như thế này thì Huế sẽ mất rất gần, phải tìm cách đi gấp trước khi quá muộn, nhưng vẫn chần chừ, những kinh nghiệm của năm 1968, 1972 khiến cái ý định ở lại mạnh hơn. Phải ở lại, sẽ lên thăm mộ Mẹ và ra đi sau lần giỗ đầu tiên, như thế số phận đang chìm sâu trong sự nguy hiểm mà không ai ngờ được, vì biến cố 1975 này, khác hẳn các biến cố qua, sẽ là một biến cố đôi đời, từ trắng sang đen, một biến cố mà về sau gia đình phải rời bỏ quê hương, sống tha phương, một khúc ngoặt rõ nét của định mệnh.

Định mệnh và con người là những cuốn trôi lạ lùng mà đôi lúc tự nghĩ không biết nó được sắp xếp bởi ai và từ đâu. Khi tuổi đã lớn, ngồi soát xét lại quá khứ, thấy đời mình có những tình cờ gắn chặt với nhiều biến cố. Những dấu mốc lịch sử của quê hương lại có những dấu ấn lên cuộc đời riêng, cho nên dù trí bày giờ đã cùn, nhưng những khoảng thời gian đó lại không bao giờ quên được. Hình ảnh quá khứ khi hiện lại, trong những lúc thư thái của tâm hồn, ở những góc phòng đóng kín và im lặng, khi đôi mắt nhắm lại, thả mình về những khung trời cũ thì hình như độ sáng ở đó óng ánh hơn, cỏ cây xanh tươi hơn, giòng sông trong veo và nụ cười của ai cũng hiền hòa cả. Hình như ở đó là khung trời của những chuyện nào khác, chẳng phải cái bon chen của cuộc sống bây chừ, của một vườn kỷ niệm mà mình chỉ còn nhớ cái hạnh phúc mà thôi. Trong những chuỗi ngày đó, riêng gia đình tôi cũng như những phần lớn các gia đình ở Huế khác đều đã di tản ba lần.

Lần thứ nhất, biến cố Tết Mậu Thân 1968, gia đình ở Bến Ngự nên đã bị kẹt lại tại chỗ, nơi đây là ngã tư, từ những con đường phía đồi núi Tây Nam đi về thành phố, là địa bàn đầu tiên cần phải kiểm soát của những người tấn công. Mãi cho đến khi quân đội từ phía Phú Bài tái chiếm lên tận nhà Ga Huế, gia đình mới được giải thoát và kéo nhau chạy về phía Quốc Học, Đồng Khánh, rồi tạm trú tại trường Kiều Mầu. Đến khi tình hình tạm yên, trở về, thì căn nhà đã bị đốt cháy và bị sập quá một nửa. Mẹ buries mốc trong

đám tro bụi để tìm lại những gì còn dùng được trong nước mắt. Mọi người thần thờ lo thu xếp chỗ ăn, chỗ ngủ, tạm sống nơi phần còn lại của căn nhà. Mạ sau khi nhìn lại đàn con thì lại cảm ơn Trời Phật đã không để mất ai “tán tài còn hơn tán mạng.” Trong nỗi lạc quan để sống còn đó, Mạ cho biết có một khối u trong vú trái: “Mạ thấy có một cục cứng, nho nhỏ thôi, chẳng có gì đâu con ạ.”

Mạ được khám bởi các Bác sỹ giải phẫu ở Bệnh viện Trung Ương Huế, cả thầy đều nghi ngại và đề nghị sinh thiết gấp. Lúc đó cuộc chiến đã tăng cường độ, người Mỹ ngoài những bệnh viện nằm trên đất liền, còn có những chiếc tàu bệnh viện nổi ngoài khơi Thái Bình Dương, một trong những chiếc tàu đó là chiếc U.S. Sanctuary khi ấy đang nằm gần biển Thuận An. Để có những phương tiện điều trị tốt nhất từ các bác sỹ thương mên gia đình, Mạ đã được đưa ra bệnh viện này để giải phẫu. Cuộc phẫu thuật tiến hành cùng lúc con tàu trên đường trở lại Subic bay để lấy nhiên liệu và tiếp liệu. Phần giải phẫu bệnh lý đã tìm thấy những tế bào ung thư.

Sau khi ngạc nhiên và đầy thích thú nhận được tám cạ đầu tiên mà Mạ gởi về từ thành phố Olongapo, Phi Luật Tân thì các lớp của trường Y Khoa phải vào Sài Gòn tiếp tục việc học. Một tháng sau, nhận thư Mạ viết từ Huế, kể lại chuyện đi của mình, kể đến sự tận tình chăm sóc của tất cả người, sự cô đơn vì bất đồng ngôn ngữ, về người bạn mới tên là Mary, người y tá với tấm lòng đầy nhân ái. Mạ mô tả một thành phố xa lạ với những chiếc xe Jeep nhiều màu sắc sặc sỡ và đầy bóng đèn. Kể tỉ mỉ về một cuộc dạo phố và mua sắm mà trong túi không có lấy một đồng vì có người bạn Mary đã lo cho tất cả. Niềm hân hoan nhất trong lá thư này là từ nay chứng bệnh đã chấm dứt vì cuộc mổ đã qua. Mạ không nhắc nhở gì đến cái hẹn tái khám và đề nghị cắt bỏ noãn sào của các bác sỹ. Mùa Hè năm đó tôi trở về Huế. Mạ đã đi dạy trở lại với niềm vui trong ánh mắt và trên nụ cười. Gia đình đã cố gắng liên lạc với các bác sỹ để cố biết thêm chi tiết về cuộc mổ nhưng không thành công vì bệnh viện và các bác sỹ lưu động không ngừng.

Vào lúc cuộc sống bắt đầu lắng đọng, khi người dân Huế bắt đầu làm quen với kỷ niệm của một ngày Tết tang tóc năm nào thì biến động khác lại đến. Mùa Hè đỏ lửa 1972, thành phố Quảng Trị bị tấn công, đại lộ kinh hoàng là con đường quốc lộ 1 độc nhất nối liền với thành phố Huế đã la liệt những xác người và chiến cụ, dân chúng Huế lại mượn con đường phía nam để di tản vào Đà Nẵng. Tại đây, một buổi sáng, Mạ không còn ngồi dậy được nữa. Những cơn đau nhức làm nhăn nheo mặt của bà xuất phát từ phía háng trái và cũng làm cho khó đi động chân trái. Thành phố Đà Nẵng lúc đó đầy áp cả người, nhón nhào, lộn xộn. Bệnh viện Đa Khoa không còn đủ chỗ chứa, tôi vẫn phải đưa Mạ đến đó để chụp Quang tuyến khớp chậu. Kết quả đầu xương đùi bên trái đã bị gãy. Cái gãy này không có tác nhân từ bên ngoài mà từ khối ung thư vú lan ra. Đến đây Mạ mới cho các con biết cuộc bỏ hẹn lần trước với các bác sỹ Mỹ chỉ vì sợ thêm một lần cô đơn giữa các người lạ. Gia đình chỉ còn một cứu vớt cuối cùng là đưa Mạ vào Sài Gòn để trị liệu phóng xạ, hóa học và đồng thời cắt bỏ hai buồng trứng để chặn bớt sự lan rộng của cơn bệnh khi dòng người Huế bắt đầu trở lại quê cũ.

Những ngày tháng tiếp nối là những ngày buồn, sự tuyệt vọng theo sách vở, sự hy vọng theo nỗi lạc quan của Mạ đưa gia đình vào một cuộc sống mới mà mỗi sớm mai là một cái mốc của gần gũi, đùm bọc mẫu tử. Mạ sung sướng khi trở lại căn nhà cũ dù phải dùng nạng khi đi chuyên, vườn rau sau nhà đã xanh hơn, bàn tủ thờ không còn một hạt bụi và các kệ sách đã ngăn nắp như ngày nào. Vào những tháng cuối năm 1973 thì cường độ của những cơn đau đã phá vỡ sức chịu đựng của Mạ. Bà phải rên lên những tiếng kêu xót xa và yêu cầu có được những liều thuốc giải thống. Nhiều lúc cơn đau ập đến bất ngờ làm bữa ăn phải bỏ dở, những câu chuyện phải cắt ngang.

Tôi vẫn cầu mong những phép lạ xảy đến cho Mạ mình, hằng đêm khẩn nguyện chư Phật gia hộ cho bớt được những cơn đau. Nhìn những bắp thịt go cứng lại, những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán và nét mặt nhăn nhó dị kỳ của sự vừa chống trả mãnh liệt, vừa muốn buông xuôi cho số phận làm lòng mình quặn đau. Tôi nhớ đến một cuốn sách viết về một tu sĩ trung kiên suốt đời hiến dâng mình cho Thiên Chúa, nhưng cũng mắc bệnh ung thư. Những cơn đau quái ác đã hành hạ vị tu sĩ này đến nỗi người phải thốt lên lời oán trách sao Chúa đã quá bất công khi không cho người được chết ngay. Nỗi đau triền miên, đọa đày của Mạ tăng nhịp theo sự di căn của bệnh, những tế bào ung thư này rồi cũng lan rộng đến xương sống và chúng đã kìm hãm sự hoạt động, hạn chế Mạ trên chiếc giường mà thôi. Tuy là như thế, ước mong của Mạ vẫn là tiếp tục sống để nhìn bầy con lớn lên.

Cuối năm 1973, tôi tốt nghiệp đại học, Mẹ nắm lấy bàn tay con mà không nói một lời, đôi mắt nhìn con, một cái nhìn bao la, âu yếm, mãn nguyện. Các con đau đã không hoàn toàn chế ngự được Mẹ, không thể cắt ngăn ngày tháng của Mẹ vì hình như Mẹ chỉ chờ một ngày hôm nay, khi có thể trao trách nhiệm lại cho con. Phần kết thúc của chúng bệnh ung thư là cái chết, điều đó thật là hiển nhiên không ai tránh khỏi, thời gian bị bệnh đã quá 5 năm lại nảy những mầm hy vọng mới. Tết năm đó, hạn 49 đã qua, Mẹ vui mừng báo gia đình về xin một quê xăm ở chùa Bà, làng Minh Hương. Quê xăm rất tốt “thượng thượng,” nhưng lời xăm lại lắm chia xa:

Cây có cội, sông có nguồn.
Đoạn trường hết nghiệp, hết duyên.
Cớ sao cư sĩ lưu niên chẳng về.

Thế rồi, một buổi sáng cuối mùa Xuân năm ấy, trời chưa rạng, tôi bỗng giật mình thức giấc, lòng cảm thấy xao xuyến một cách lạ lùng, một cảm giác bình an nhưng lại có sự lặng thinh của chia ly cách biệt. Thân giao cách cảm, chạy ào vào giường Mẹ thì thấy Mẹ đang còn ngủ, hơi thở rất nhẹ, điều hòa. Điều lạ lùng là Mẹ nằm trong một dáng hết sức bình thản, các cơ bắp duỗi mềm như chưa bao giờ co quắp bởi các cơn đau. Lay động Mẹ, nhưng Mẹ không còn biết gì nữa. Chắc hẳn những khối tế bào ung thư đang chèn dần vào những trung khu kiểm soát sự sống cuối cùng. Bà con thân thuộc tụ họp lại, các cánh cửa trong nhà được mở rộng, những ngọn đèn bạch lập được thắp sáng lên. Mẹ ra đi trong tiếng niệm kinh của bà con và vị Hòa Thượng mà Mẹ thương kính từ thưở nhỏ. Bên ngoài trời vừa lên nắng, hương Xuân còn quanh quần đầu đây, nơi cây mai vàng trước ngõ và những hàng thược dược còn trở bông bên cạnh hông nhà.

Sau buổi sáng đánh lễ giáp niên đơn giản nơi mộ Mẹ, tôi vòng xe quanh đàn Nam Giao hướng về quốc lộ 1 đi vào Đà Nẵng tụ họp với các em. Dọc đường chẳng còn mấy bóng người, hàng quán chợ An Cựu tiêu điều, quân trường và sân bay Phú Bài trống vắng. Đèn ngang Lăng Cô, tiếng súng đã nổ vang bên chân đèo, cứ cúi rạp người, nhún ga mà chạy. Đường đèo loanh quanh, xe vẫn không giảm tốc độ, thỉnh thoảng có những tiếng kêu bắt ngừng lại, rồi tiếng đạn rít bên tai. Tôi cứ như người mộng du, trong tâm vang lời cầu nguyện Mẹ, xe nhắm phía trước mà tới. Cuối cùng cũng tới được thành phố, Đà Nẵng lúc này đã bỏ ngõ. Bến Bạch Đằng không còn một chiếc tàu nào nữa, vậy là cả gia đình đã bị kẹt lại tại đây.

Sau tháng Tư, gia đình đã trở lại Huế. Con hồng thủy này đã nhuộm đỏ toàn miền Nam. Xác thân đã tiêu điều vì miếng cơm manh áo mà trí tuệ cũng bị khống chế vờ. Những ngày dài trên các công trường Nam Sông Hương, Nam Sông Thạch Hãn, lao động ở Cồn Tiên Ái Tử, nghi ngờ, đổ kỵ là cốt lõi của sự cai trị. Ai cũng mong có dịp vượt biên. Trong ván bài may rủi này, mà phần rủi nhiều hơn, mọi người đều bám víu vào một trợ duyên nào đó, mong nhận những sự phù hộ từ các Đấng Thiêng Liêng để có thể thành công, tôi âm thầm và liên tục cầu nguyện Mẹ.

Gia đình đã thành công trong chuyến ra biển đầu tiên, mặc dầu đã phải lặn lội từ Huế, vào Sài Gòn, xuống Rạch Giá và ra khơi từ Rạch Sỏi. Cuộc ra đi với nhiều tình tiết ly kỳ hơn hẳn những cuốn truyện trinh thám, kết thúc nơi trại tỵ nạn Thái Lan.

Một mùa Thu và Đông đi qua ở trại tỵ nạn. Mọi thủ tục định cư tại Mỹ đã hoàn tất, thì cuối năm đó, một quyết định mới của chính phủ Mỹ cho tất cả những ai muốn định cư tại đó, phải qua một trung tâm chuyển tiếp khác ở Bataan, Phi Luật Tân để huấn nghiệp. Gia đình đã đến đây vào ngày cuối cùng của một năm âm lịch.

Bataan, một vùng núi đồi đất đỏ, ở giai đoạn này, trung tâm chỉ mới bắt đầu hoạt động, nhà cửa còn trống trơn, nước và thức ăn còn đang thiếu. Hằng ngày, người tỵ nạn vào suối để tắm, chặt tre trong rừng để làm phen vách và cuộc sống như thế mà tiếp tục.

Khi chuẩn bị để kỵ Mẹ thì được biết Bataan là một phía của Subic Bay, từ đây vòng qua một dãy núi nhỏ, băng qua con vịnh là Olongapo, thành phố mà Mẹ đã đi qua. Ngày giỗ ấy, tôi trốn trại đi về phía núi, một bước phiêu lưu tìm lại sự quen thuộc trong kỷ niệm cho dù đó chỉ là một địa danh. Trên con đường ven núi, tôi đã bút những chùm hoa rừng. Rồi vịnh Subic hiển hiện trước mắt, choáng ngợp bởi nắng và gió.

Những hàng dừa rũ bóng dọc ven bờ, bãi cát trắng phau, một làng đánh cá nhỏ với các mái nhà lợp bằng tranh và sàn bằng tre nằm hiền hòa bên chân núi. Trước sân, các mạng lưới giăng mắc khắp nơi. Sân sau, cũng luống sắn, hàng khoai, y hết như quê nhà. Tôi hỏi người làng để được đi qua thăm Olongapo bằng một chiếc ghe nhỏ, thân ghe bé tí nhưng cang ghe rất rộng, tóa ra hai bên để giữ cân bằng.

Trên sóng nước chập chùng, các con tàu của hạm đội 7 hiện ra vĩ đại, sừng sững. Đôi mắt đi tìm chiếc tàu bệnh viện nhưng không thấy. Biển xanh, mây trắng bao la, tâm hồn thư giãn đến tột độ, cứ ngỡ là mình đã hòa nhập vào lòng trời và nước nơi đây. Tôi bỗng ngộ ra cuộc sống nay mai nơi xứ lạ cũng như một chiếc ghe nhỏ lao mình vào đại dương. Nước Mỹ sắp đến to lớn lắm. Cuộc đời mình trở lại bắt đầu bằng con số không, sẽ gặp nhiều chuyện mới lạ và sẽ chịu nhiều thử thách cam go trong cuộc sống cũng như trong sự học hành. Dòng định mệnh đến đây đã gặp một dấu ngoặc quan trọng, có lẽ là quan trọng nhất từ trước đến nay. Tôi sẽ cần có rất nhiều may mắn để thành công. Tình cờ biết bao, khi khúc ngoặc này lại cũng được bắt đầu từ nơi đã nẩy mầm hy vọng của Mạ. Trong lòng bỗng tự tin vô cùng, bình tâm đón chờ những ngày của tương lai, vì biết chắc rằng, dù khó khăn đến đâu, rồi cũng sẽ được đi uất mà vượt qua tất cả.

Tôi trầm niệm danh hiệu của Mạ và thả nhẹ chùm hoa rùng trên sóng nước. Giọt nước mắt đã lăn xuống trên gò má, nhưng trong tâm hồn, hình ảnh của một nụ cười quen thuộc, phảng phất, huyền diệu, kết tụ thành một cánh hoa sen đang nở nụ trong sương sớm.

